



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ  
ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến  
ngày 19 tháng 1 năm 2017  
(ngày giải thể Quỹ)

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Thông tin chung**

**Giấy chứng nhận đăng ký chào  
bán chứng chỉ quỹ ra công chúng**

05/GCN-UBCK cấp ngày 28 tháng 12 năm 2009

**Giấy chứng nhận đăng ký thành lập  
Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở**

03/GCN-UBCK cấp ngày 18 tháng 4 năm 2013

Giấy Chứng nhận đăng ký thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định. Giấy Chứng nhận đăng ký thành lập được sửa đổi theo Quyết định số 397/QĐ-UBCK ngày 7 tháng 5 năm 2015.

**Ban Đại diện Quỹ**

Ông Nguyễn Quang Trung      Chủ tịch  
Bà Lê Thị Thu Hương            Thành viên  
Bà Phạm Thị Thanh Thúy        Thành viên

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered  
(Việt Nam)

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point  
Số 2 Ngô Đức Kế  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

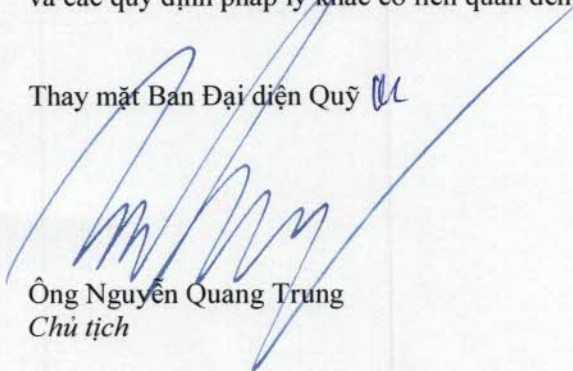
Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ**

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Tôi, Nguyễn Quang Trung, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho các Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ 

  
Ông Nguyễn Quang Trung  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2017 **11 APR 2017**



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ).

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198, các quy định có liên quan của Thông tư 183 và của Thông tư 15 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam cam kết rằng công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ). Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện đánh giá khả năng hoạt động liên tục của Quỹ và kết luận rằng Quỹ không đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Do đó Công ty Quản lý Quỹ đã lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam** **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

### **I. Thông tin chung về Quỹ**

#### **1. Mục tiêu của Quỹ:**

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.

#### **2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Theo báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là (0,42%) so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo. Quỹ không có danh mục cơ cấu và chỉ số tham chiếu.

#### **3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Mục tiêu chính của Quỹ là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Quỹ sử dụng mô hình đầu tư theo xu hướng thị trường (trend following). Mô hình đầu tư theo xu hướng thị trường ứng dụng phương pháp định lượng như sử dụng các mô hình thống kê một khối lượng lớn dữ liệu trên hệ thống máy vi tính để nắm bắt chính xác các xu hướng trung và dài hạn xuất hiện trên các thị trường khác nhau. Cụ thể, mô hình này đầu tư dựa trên cơ chế như sau: mua khi thị trường có xu hướng tăng và bán khống khi thị trường có xu hướng giảm. Vì bán khống (short sell) chưa được thực hiện ở thị trường Việt Nam, chiến lược đầu tư theo xu hướng mà Quỹ sử dụng không thể tìm kiếm lợi nhuận khi thị trường đi vào xu hướng giảm. Tuy nhiên, chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường mà Quỹ đề ra vẫn có khả năng tạo ra lợi nhuận ở cả hai xu hướng thị trường (xu hướng tăng và xu hướng giảm) trong tương lai khi Luật cho phép nghiệp vụ bán khống được thực hiện. Chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường không tìm cách dự đoán thị trường mà thay vào đó là giải ngân khi thị trường đã xuất hiện các xu thế rõ ràng và thoát khỏi thị trường (exit) khi các xu thế trên đã kết thúc hoặc đảo chiều. Hơn nữa, phương pháp đầu tư này có mức lợi nhuận không tương quan với phương pháp đầu tư truyền thống ("buy and hold") vì chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường thực hiện bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi.

#### **4. Phân loại Quỹ: Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở**

#### **5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Không có**

#### **6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình**

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

7. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:** ngày 2 tháng 4 năm 2010

8. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo:**

Tại ngày 19 tháng 1 năm 2017:

- Tổng giá trị tài sản ròng: 4.260.106.245 VND
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 607.941,54 CCQ

9. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ:** Không có

10. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Việc phân phối lợi nhuận hàng năm thực hiện dựa trên đề xuất của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

11. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ (tại thời điểm báo cáo):**

Không có.

**II. Số liệu hoạt động**

1. **Cơ cấu tài sản Quỹ:**

<b>Cơ cấu tài sản Quỹ</b>	<b>19/1/2017 (%)</b>	<b>31/12/2016 (%)</b>	<b>31/12/2015 (%)</b>
1. Danh mục chứng khoán	0,59	0,57	96,45
2. Tài sản khác	99,41	99,43	3,55
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

2. **Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>19/1/2017</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	4.260.106.245	4.277.866.269	36.956.626.456
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	607.941,54	607.941,54	5.150.418,26
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ)	7.007,42	7.036,64	7.175,46
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo (VND/CCQ)	7,036.64	7.172,82	7.609,02



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>19/1/2017</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo (VND/CCQ)	6,162.84	6.162,84	6.990,24
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9. Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	(199,57%)	(7.015,95%)	215,23%
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	(99,99%)	(1.525,97%)	256,80%
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	(99,58%)	(5.489,98%)	(41,57%)
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không có	Không có	Không có
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	6,25%	5,68%	2,90%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	0,00%	207,29%	202,88%

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ**

**3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
	Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán
- 1 năm	5,9	5,9
- 3 năm	(4,4)	1,5
- Từ khi thành lập	(29,9)	(5,1)
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không có chỉ số tham chiếu	Không có chỉ số tham chiếu

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

Thời kỳ	19/1/2017 (%)	31/12/2016 (%)	31/12/2015 (%)	31/12/2014 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	5,9	(1,93)	(1,90)	1,34

**III. Mô tả thị trường trong giai đoạn:**

Nửa đầu tháng giao dịch đầu năm 2017 diễn biến giao dịch khởi sắc về điểm số nhưng kém khởi sắc về thanh khoản. HOSE đã có sự bắt đầu tháng giao dịch tăng điểm mạnh nhờ vào sự bùng nổ của nhóm cổ phiếu Ngân hàng cùng với sự đồng thuận của nhóm cổ phiếu Vốn hóa lớn. Thị trường liên tục được nhóm cổ phiếu trụ cột này dẫn dắt. Nhưng bên cạnh đó vẫn còn yếu tố chưa được tích cực khi dòng tiền vào thị trường chưa được khởi sắc và cũng tạo tâm lý thận trọng với Nhà đầu tư. Tại những phiên tăng điểm vẫn còn xuất hiện động thái chốt lời đã chặn đứng đà tăng trong phiên.



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

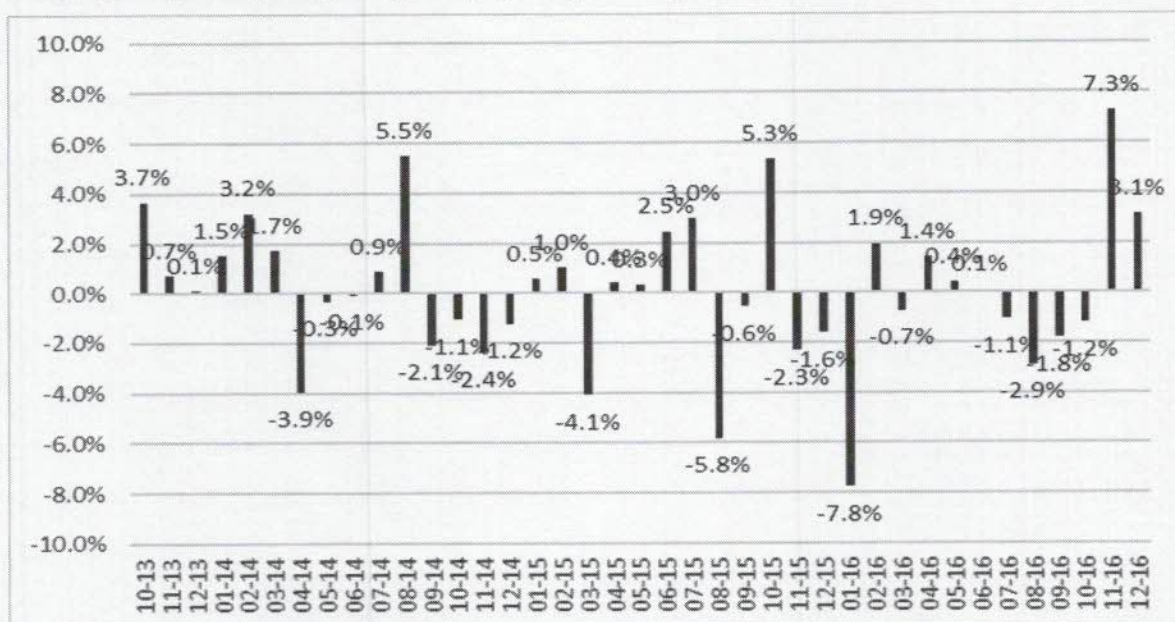
**IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ:**

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
	Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	(99,58%)	(5.489,98%)	(41,57%)
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	(99,99%)	(1.525,97%)	256,80%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	(199,57%)	(7.015,95%)	215,23%
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	5,9	(1,51)	(5,07)
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không có	Không có	Không có
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

- Vốn, Tổng tăng trưởng, Tăng trưởng hàng năm: Dựa trên tăng trưởng của giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ;
- Chỉ số tham chiếu: Dựa trên giá công bố giao dịch cuối cùng ở thời điểm gần nhất.
- Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:



- Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	19/1/2017 VND	31/12/2016 VND	Tỷ lệ thay đổi %
A	1	2	$3 = ((1) - (2)) / (2)$
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	4.260.106.245	4.277.866.269	(0,42)%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	7.007,42	7.036,64	(0,42)%

Trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017, các nhà đầu tư của Quỹ không có giao dịch rút vốn. Do đó, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ chỉ giảm nhẹ với mức 0,42%. Trong cùng thời kỳ, kết quả hoạt động của Quỹ cũng bị ảnh hưởng theo chiều hướng giảm NAV/chứng chỉ quỹ cũng giảm nhẹ với mức 0,42%.



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày 19/1/2017**

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5.000	51	36.781,54	6,05%
Từ 5.000 - 10.000	3	17.000,00	2,80%
Từ 10.000 đến 50.000	2	30.000,00	4,93%
Từ 50.000 đến 500.000	3	524.160,00	86,22%
Trên 500.000	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>59</b>	<b>607.941,54</b>	<b>100,00%</b>

**5. Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong năm, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**V. Thông tin về triển vọng thị trường**

Thị trường nửa đầu tháng 1 vừa đi qua, đã có nhiều tín hiệu khả quan trong giao dịch như: Áp lực bán của khối nhà đầu tư nước ngoài đã giảm, dòng tiền thông minh xuất hiện và tìm đến những cổ phiếu trụ cột giúp VNIndex phục hồi và tăng trưởng ngoạn mục. Bước khởi đầu năm thuận lợi cũng sẽ giúp thị trường có cơ hội tốt để chinh phục đỉnh cao hơn đó là 700 điểm. Những nhân tố sẽ tích cực hỗ trợ cho thị trường như: i) Sự trông chờ vào kết quả kinh doanh Quý 4 của các doanh nghiệp niêm yết; ii) Áp lực bán của khối nhà đầu tư nước ngoài giảm; iii) Sự khởi sắc của dòng tiền bên mua. Những nhóm (ngành) sẽ thu hút Nhà đầu tư là những nhóm (ngành) cổ phiếu có kết quả kinh doanh được ghi nhận tốt vào cuối năm như ngành bất động sản, ngành tài chính, chứng khoán; ngành ngân hàng, và các tổng công ty lớn vừa lên sàn trong những tháng cuối năm.

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**VI. Thông tin khác**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ, và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Thông tin gồm:

	<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Nhân sự điều hành Quỹ	Lương Thị Mỹ Hạnh	Điều hành Quỹ	Thạc sỹ Kinh tế	- Từ 2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
	Vũ Đức Sử	Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư	Thạc sỹ Toán ứng dụng	- Từ 2010 đến 2014: Chuyên viên đầu tư - Từ 2014 đến tháng 1/2016: Chuyên viên đầu tư cao cấp - Từ tháng 1/2016 đến nay: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư
Ban Đại diện Quỹ	Nguyễn Quang Trung	Chủ tịch	Thạc sỹ Kinh tế	- Từ 2003 đến 2006: Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Thanh Hóa - Từ 2006 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Việt
	Lê Thị Thu Hương	Thành viên	Cử nhân Kế toán – Kiểm toán	- Từ 2011 đến 2012: Phó Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán AS - Từ 2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín
	Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên	Luật sư	- Từ 2010 đến nay: Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

	<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ	Trần Thanh Tân	Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	- Từ 2003 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
	Lương Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu	Thạc sỹ Kinh tế	- Từ 2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
	Nguyễn Minh Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc tài chính	Thạc sỹ Tài chính – Kinh tế	- Từ 2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
	Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội	Thạc sỹ Quản trị Tài chính	- Từ 2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

	<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
	Trần Văn Hiếu	Quyền Phó Tổng Giám đốc – Khởi huy động vốn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 2010 đến 2012: Giám đốc điều hành Công ty Pana Harrison Asia Limited insurance broker Việt Nam</li> <li>- Từ 2012 đến 2014: Giám đốc Dự án Công ty Generali Việt Nam</li> <li>- Từ 2014 đến 2015: Giám đốc Huy động vốn cao cấp Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam</li> <li>- Từ 2016 đến nay: Quyền Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam</li> </ul>

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ông Trần Thanh Tân  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2017



## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Năng động Việt Nam (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 19 tháng 01 năm 2017, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 19 tháng 01 năm 2017, hạn mức đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 19 tháng 01 năm 2017, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.
- e) Tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ ngày 13 tháng 05 năm 2016 và ngày 27 tháng 05 năm 2016, một số nhà đầu tư đã bán chứng chỉ quỹ với tổng số lượng là 2.262.000 chứng chỉ quỹ tương ứng 15.409.440.000 đồng dẫn đến tổng giá trị tài sản ròng của quỹ đã giảm xuống dưới 30 tỷ đồng kể từ ngày 20 tháng 05 năm 2016 cho đến ngày phát hành báo cáo này.

Theo Nghị Quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2016 và Đại hội bất thường năm 2017 của Quỹ đầu tư năng động Việt Nam ngày 13 tháng 02 năm 2017, Đại hội nhà đầu tư đã nhất trí thông qua chủ trương giải thể quỹ và giải thể quỹ. Vào ngày 06 tháng 03 năm 2017, Công ty Quản lý Quỹ đã nhận Công văn số 1143/UBCK-QLQ của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước xác nhận việc Công ty Quản lý Quỹ thông báo về việc giải thể Quỹ. Quỹ đã hoàn tất việc thanh lý tài sản vào ngày 16 tháng 03 năm 2017 và bắt đầu tiến hành hoàn trả tiền cho nhà đầu tư từ ngày 17 tháng 3 năm 2017.

Tại ngày 11 tháng 04 năm 2017, tổng số nhà đầu tư chưa được hoàn trả là 46 nhà đầu tư tương ứng 56.430 chứng chỉ quỹ do thông tin của nhà đầu tư chưa kịp thu thập đầy đủ.

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2017.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



**Lê Sỹ Hoàng**

**Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

**Vũ Hương Giang**

**Phụ trách Bộ phận Giám sát**

**Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited**  
**Head Office**

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,  
E6 Phạm Hưng, Me Tri Ward,  
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 4) 3936 8000  
Fax : (84 4) 3837 8356  
Swift: SCBLVNVX

Here for good





KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ), báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 4 năm 2017, được trình bày từ trang 17 đến trang 53.

### **Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ Công ty Quản lý Quỹ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam tại ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ), kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2 (c) của báo cáo tài chính có trình bày là do việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của các Nhà đầu tư và do biến động giá thị trường của các cổ phiếu do Quỹ nắm giữ trong năm 2016, giá trị tài sản ròng của Quỹ đã giảm xuống dưới 10 tỷ Đồng Việt Nam trong sáu tháng liên tục kể từ ngày 14 tháng 7 năm 2016. Theo đó, Quỹ buộc phải giải thể vào ngày 19 tháng 1 năm 2017 theo Điều 33 của Thông tư 183. Đại hội nhà đầu tư bất thường của Quỹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2017 đã thông qua quyết định và phương án giải thể Quỹ. Quỹ đã hoàn tất việc thanh lý tài sản vào ngày 16 tháng 3 năm 2017 và bắt đầu tiến hành hoàn trả tiền cho nhà đầu tư từ ngày 17 tháng 3 năm 2017. Do đó, báo cáo tài chính của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục không áp dụng. Tất cả các tài sản được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý và giá trị cơ thể thu hồi được từ việc thanh lý các tài sản này và các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị cao hơn giữa giá trị ghi sổ và số tiền dự kiến phải trả để thanh toán các nghĩa vụ của Quỹ cho mục đích giải thể.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-147



Trương Vinh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Huy Cường  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2675-2014-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2017



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Báo cáo thu nhập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017  
(ngày giải thể Quỹ)**

**Mẫu B01 – QM**


(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 19/1/2017 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND
<b>I</b>	<b>THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>01</b>		<b>4.405.055</b>	<b>(479.209.276)</b>
1.1	Cổ tức được chia	02	10	-	133.056.000
1.2	Tiền lãi được nhận từ tiền gửi ngân hàng	03	10	4.060.555	229.652.044
1.3	Lỗ bán các khoản đầu tư	04		-	(3.632.002.919)
1.4	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	11	344.500	2.790.085.599
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>10</b>		<b>-</b>	<b>109.564.553</b>
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11		-	109.564.553
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>	<b>20</b>		<b>22.165.079</b>	<b>979.410.555</b>
3.1	Phí quản lý Quỹ	20.1	15	3.954.814	95.539.113
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	15	9.193.799	192.837.936
3.3	Phí dịch vụ giám sát	20.3	15	10.112.902	198.000.000
3.4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	15	6.741.936	132.000.000
3.5	Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5	15	(19.658.064)	117.218.878
3.7	Chi phí họp, Đại hội Nhà đầu tư thường niên	20.7		-	4.840.000
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8		4.580.821	84.706.045
3.10	Chi phí hoạt động khác	20.10	12	7.238.871	154.268.583
<b>IV</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 - 10 - 20)</b>	<b>23</b>		<b>(17.760.024)</b>	<b>(1.568.184.384)</b>
<b>VI</b>	<b>TỔNG LỖ KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)</b>	<b>30</b>		<b>(17.760.024)</b>	<b>(1.568.184.384)</b>
6.1	Lỗ đã thực hiện	31		(18.104.524)	(4.358.269.983)
6.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	32		344.500	2.790.085.599
<b>VII</b>	<b>LỖ KẾ TOÁN SAU THUẾ (41 = 30)</b>	<b>41</b>		<b>(17.760.024)</b>	<b>(1.568.184.384)</b>

Ngày 11 tháng 4 năm 2017

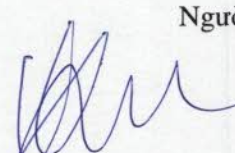
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:



Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ)**

**Mẫu B02 – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	19/1/2017 VND	31/12/2016 VND
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>				
<b>1</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>4.411.901.152</b>	<b>4.291.583.183</b>
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		2.911.901.152	2.791.583.183
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	112		1.500.000.000	1.500.000.000
<b>2</b>	<b>Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>120</b>		<b>26.174.500</b>	<b>25.830.000</b>
2.1	Các khoản đầu tư	121	5	26.174.500	25.830.000
<b>3</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>2.413.889</b>	<b>210.505.253</b>
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133		2.413.889	5.145.834
3.2.1	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	136		2.413.889	5.145.834
3.3	Các khoản phải thu khác	137		-	205.359.419
	<b>TỔNG TÀI SẢN (100 = 110 + 120 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>4.440.489.541</b>	<b>4.527.918.436</b>
<b>II</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
6	Chi phí phải trả	316	6	124.359.875	122.794.431
8	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	318		18.757.736	18.757.736
9	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	319	7	36.745.137	108.500.000
10	Phải trả, phải nộp khác	320		520.548	-
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 316 + 318 + 319 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>180.383.296</b>	<b>250.052.167</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam****Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)****Mẫu B02 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	19/1/2017 VND	31/12/2016 VND
<b>III</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)</b>	<b>400</b>		<b>4.260.106.245</b>	<b>4.277.866.269</b>
<b>1</b>	<b>Vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>411</b>	<b>8</b>	<b>6.079.415.400</b>	<b>6.079.415.400</b>
1.1	Vốn góp phát hành	412		241.641.404.000	241.641.404.000
1.2	Vốn góp mua lại	413		(235.561.988.600)	(235.561.988.600)
<b>2</b>	<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>414</b>	<b>8</b>	<b>65.388.929.921</b>	<b>65.388.929.921</b>
<b>3</b>	<b>Lỗ lũy kế</b>	<b>420</b>	<b>9</b>	<b>(67.208.239.076)</b>	<b>(67.190.479.052)</b>
<b>IV</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>430</b>		<b>7.007,42</b>	<b>7.036,64</b>
<b>VI</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>			<b>19/1/2017 CCQ</b>	<b>31/12/2016 CCQ</b>
<b>1</b>	<b>Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành</b>	<b>004</b>	<b>14</b>	<b>607.941,54</b>	<b>607.941,54</b>

Ngày 11 tháng 4 năm 2017

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:

Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chínhÔng Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



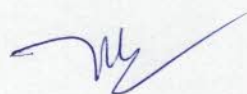
**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam****Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ)****Mẫu B03 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chi tiêu	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 19/1/2017 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND
I	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ (“NAV”) đầu kỳ/năm</b>	<b>4.277.866.269</b>	<b>36.956.626.456</b>
II	<b>Thay đổi NAV so với năm trước</b>	<b>(17.760.024)</b>	<b>(1.568.184.384)</b>
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ/năm	(17.760.024)	(1.568.184.384)
III	<b>Thay đổi NAV do mua lại và phát hành thêm chứng chỉ quỹ</b>		<b>- (31.110.575.803)</b>
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ		- 387.075.000
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ		- (31.497.650.803)
IV	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ/năm (IV = I + II + III)</b>	<b>4.260.106.245</b>	<b>4.277.866.269</b>

Ngày 11 tháng 4 năm 2017

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:

Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chínhÔng Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

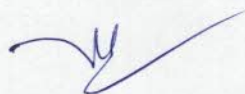
**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam****Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ)****Mẫu B04 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 19/1/2017 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 19/1/2017 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
<b>I</b>	<b>Mã cổ phiếu niêm yết</b>	<b>605</b>		<b>26.174.500</b>	<b>0,59%</b>
1	DPM	100	23.600	2.360.000	0,05%
2	FPT	100	43.800	4.380.000	0,10%
3	GMD	100	28.000	2.800.000	0,06%
4	MBB	105	13.900	1.459.500	0,04%
5	REE	100	25.750	2.575.000	0,06%
6	VNM	100	126.000	12.600.000	0,28%
<b>V</b>	<b>Các tài sản khác</b>				
1	Các khoản phải thu			2.413.889	0,05%
<b>VI</b>	<b>Tiền</b>				
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền			4.411.901.152	99,36%
<b>VII</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>4.440.489.541</b>	<b>100,00%</b>

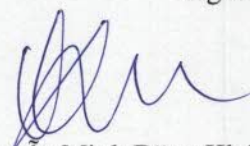
Ngày 11 tháng 4 năm 2017

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:

Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chínhÔng Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B05 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 19/1/2017 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Lỗ trước thuế	01	(17.760.024)	(1.568.184.384)
Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	02	4.236.321	(2.872.571.874)
Chênh lệch tăng thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03	(344.500)	(2.790.085.599)
Tăng/(giảm) chi phí trích trước	04	5.101.369	(82.486.275)
<b>Lỗ từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>05</b>	<b>(13.003.155)</b>	<b>(4.440.756.258)</b>
Giảm các khoản đầu tư	20	-	38.811.347.599
Giảm/(tăng) dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	07	2.731.945	(5.145.834)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	08	205.359.419	(182.787.145)
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	-	(28.838.486)
Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	14	-	18.757.736
Giảm chi phí phải trả	16	(3.015.377)	(68.493.326)
Giảm phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	17	(71.754.863)	(4.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>19</b>	<b>120.317.969</b>	<b>34.099.584.286</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	31	-	387.075.000
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	32	-	(31.497.650.803)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>(31.110.575.803)</b>
<b>Tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ/năm (40 = 19 + 30)</b>	<b>40</b>	<b>120.317.969</b>	<b>2.989.008.483</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

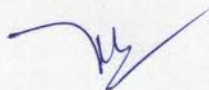
**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B05 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 19/1/2017 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ/năm</b>	<b>50</b>	<b>4</b>	<b>4.291.583.183</b>	<b>1.302.574.700</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ/năm	51		4.291.583.183	1.302.574.700
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	52		2.791.583.183	1.302.574.700
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	52		1.500.000.000	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ/năm</b>	<b>55</b>	<b>4</b>	<b>4.411.901.152</b>	<b>4.291.583.183</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ/năm	56		4.411.901.152	4.291.583.183
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	57		2.911.901.152	2.791.583.183
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	57		1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ/năm</b>	<b>60</b>		<b>120.317.969</b>	<b>2.989.008.483</b>

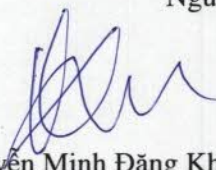
Ngày 11 tháng 4 năm 2017

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:

Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chínhÔng Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### **1. Thông tin về Quỹ**

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập ban đầu dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 14/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 2 tháng 4 năm 2010 và Quyết định số 397/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015 về việc sửa đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 03/GCN-UBCK (“Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập”) ngày 18 tháng 4 năm 2013 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ số 142/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 7 năm 2010 và đã được hủy niêm yết ngày 11 tháng 3 năm 2013 theo Quyết định số 31/2013/QĐ-SGDHCM ngày 31 tháng 1 năm 2013 cho mục đích chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở.

Quỹ đã chính thức chuyển đổi thành quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở vào ngày 19 tháng 4 năm 2013 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập này, tổng số vốn Điều Lệ của Quỹ là 240.437.600.000 Đồng Việt Nam tương đương với 24.043.760 chứng chỉ quỹ. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành vào tháng 4 năm 2013 và được điều chỉnh, bổ sung lần gần nhất là vào ngày 5 tháng 4 năm 2016.

Mục tiêu chính của Quỹ là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo các tiêu chí sau:

- a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được nắm giữ quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi ngân hàng, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- b. Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định trong Điều lệ Quỹ;
- c. Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

- d. Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- e. Quỹ không đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành, trừ trường hợp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện và có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch;
- f. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g. Quỹ không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- h. Quỹ không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- i. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, i nêu trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- c. Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d. Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- e. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
- f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Quỹ được định giá hàng tuần và hàng tháng. Ngày định giá là ngày thứ sáu hàng tuần đối với kỳ định giá tuần và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với kỳ định giá tháng. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ. Quỹ thực hiện giao dịch chứng chỉ Quỹ vào ngày thứ sáu hàng tuần. Nếu ngày giao dịch chứng chỉ quỹ rơi vào ngày nghỉ lễ thì việc giao dịch này sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là phòng 1701-04, tầng 17, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đính kèm được lập không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và vùng lãnh thổ khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các quốc gia và vùng lãnh thổ khác.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo thu nhập: Mẫu B01;
- Báo cáo tình hình tài chính: Mẫu B02;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ: Mẫu B03;
- Báo cáo danh mục đầu tư: Mẫu B04;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Mẫu B05; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu B06.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 3(c), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

### **(c) Giả định hoạt động liên tục**

Do việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của các Nhà đầu tư và do biến động giá thị trường của các cổ phiếu do Quỹ nắm giữ trong năm 2016, giá trị tài sản ròng của Quỹ đã giảm xuống dưới 10 tỷ Đồng Việt Nam trong sáu tháng liên tục kể từ ngày 14 tháng 7 năm 2016. Theo đó, Quỹ buộc phải giải thể vào ngày 19 tháng 1 năm 2017 theo Điều 33 của Thông tư 183. Đại hội nhà đầu tư bất thường của Quỹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2017 đã thông qua quyết định và phương án giải thể Quỹ. Quỹ đã hoàn tất việc thanh lý tài sản vào ngày 16 tháng 3 năm 2017 và bắt đầu tiến hành hoàn trả tiền cho nhà đầu tư từ ngày 17 tháng 3 năm 2017. Do đó, báo cáo tài chính của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục không áp dụng. Tất cả các tài sản được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý và giá trị có thể thu hồi được từ việc thanh lý các tài sản này và các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị cao hơn giữa giá trị ghi sổ và số tiền dự kiến phải trả để thanh toán các nghĩa vụ của Quỹ cho mục đích giải thể.

### **(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán cuối cùng của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ).

### **(e) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(f) Hình thức sổ kế toán**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là lãi hoặc lỗ trong báo cáo thu nhập của Quỹ.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### **(b) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

### **(c) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được trình bày tại Thuyết minh 3(c)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong kỳ.

#### **(i) Phân loại**

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

#### **(ii) Ghi nhận**

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

#### **(iii) Xác định giá trị**

Theo Thông tư 183 và Thông tư 15, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay Định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Điều lệ Quỹ như sau:

#### **Cổ phiếu**

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
  - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trước ngày định giá;



## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
  - + Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trong vòng 12 tháng trước ngày định giá;
  - + Giá mua;
  - + Giá trị sổ sách; hoặc
  - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

### (iv) **Chấm dứt ghi nhận**

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

### (d) **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư và phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản phải thu với tỉ lệ trích lập dự phòng như sau:

<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Mức trích lập dự phòng</b>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán là chi phí/thu nhập trên báo cáo thu nhập trong kỳ, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi.

### (e) **Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho Nhà đầu tư, phải trả dịch vụ quản lý Quỹ và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

### **(f) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng đã đánh giá và lập dự phòng cho các nghĩa vụ phát sinh thêm, nếu có, từ những hợp đồng hiện tại của Quỹ.

### **(g) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty Quản lý Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

### **(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

## **(ii) Nợ phải trả tài chính**

### *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

### *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### **(h) Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

#### ***Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư***

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% (2016: 20%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Riêng tổ chức đầu tư nêu tại khoản 2.1, điểm 2, Mục III Thông tư số 100/2004/TT-BTC được lựa chọn phương thức tự nộp thuế bằng cách gộp chung với thu nhập từ hoạt động kinh doanh của tổ chức đó để tính và nộp thuế theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành; tổ chức đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý Quỹ về việc tự nộp thuế để không bị khấu trừ phần thuế tương ứng. Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân (trong nước và nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

#### ***Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ***

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

### **(i) Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn**

#### ***(i) Vốn góp của nhà đầu tư***

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### ***Vốn góp phát hành***

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ quỹ của Quỹ.  
Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

### ***Vốn góp mua lại***

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của Quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

### **(ii) *Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư***

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

### **(iii) *Lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện).

Lợi nhuận chưa thực hiện là tổng giá trị lãi đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Báo cáo tình hình tài chính.

### **(iv) *Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư***

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư trong kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### **(j) Chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở**

Chứng chỉ quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ bất kỳ lúc nào để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở đồng thời cũng phản ánh lợi nhuận chưa phân phối, vốn góp của Nhà đầu tư và thặng dư vốn góp. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư phản ánh chênh lệch giữa thu/chi thực tế từ việc phát hành/mua lại chứng chỉ quỹ dựa trên tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ. Lợi nhuận chưa phân phối của Quỹ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Quỹ chỉ được sử dụng phần lợi nhuận đã thực hiện lũy kế của năm trước trừ đi lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lợi nhuận để phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

### **(k) Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận:

#### **(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

### **(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán**

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### **(l) Chi phí**

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm chi trả.

### **(m) Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ**

Giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên mỗi chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

### **(n) Báo cáo bộ phận**

Quỹ hoạt động như một bộ phận.

### **(o) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

### **(p) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi bằng Đồng Việt Nam vào thời điểm cuối kỳ/năm tại các ngân hàng sau đây:

	<b>19/1/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ</b>		
▪ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)	2.911.901.152	2.791.583.183
<b>Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</b>		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	700.000.000	700.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	800.000.000	800.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.500.000.000	1.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	4.411.901.152	4.291.583.183
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 19 tháng 1 năm 2017, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng hưởng lãi suất năm từ 4,3% đến 5,5% (31/12/2016: 4,3% đến 5,5%). Trong trường hợp rút trước thời gian đáo hạn, các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất dưới 1% một năm.

## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### 5. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được Quỹ đầu tư như được liệt kê trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày ở thuyết minh 3(c), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày 19 tháng 1 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Giá mua VND [1]	Giá thị trường VND [2]	Chênh lệch do đánh giá lại trong kỳ		Giá trị đánh giá lại VND [5]=[1]+[3]+[4]
			Chênh lệch tăng VND [3]	Chênh lệch giảm VND [4]	
Ngày 19 tháng 1 năm 2017	27.067.004	26.174.500	603.102	(1.495.606)	26.174.500
Cổ phiếu niêm yết					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	27.067.004	25.830.000	433.102	(1.670.106)	25.830.000
Cổ phiếu niêm yết					



## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### 6. Chi phí phải trả

	19/1/2017 VND	31/12/2016 VND
Phí kiểm toán	70.580.821	66.000.000
Phí báo cáo thường niên	33.421.850	33.421.850
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	14.307.204	17.322.581
Phí họp đại hội thường niên	6.050.000	6.050.000
	<hr/>	<hr/>
	124.359.875	122.794.431

### 7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ

	19/1/2017 VND	31/12/2016 VND
Phí quản lý Quỹ	3.954.814	-
Phí lưu ký tài sản Quỹ	9.193.549	15.000.000
<i>Phải trả phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản</i>	<i>9.193.549</i>	<i>15.000.000</i>
Phí giám sát Quỹ	10.112.902	16.500.000
Phí quản trị Quỹ	6.741.936	11.000.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	6.741.936	66.000.000
	<hr/>	<hr/>
	36.745.137	108.500.000

### 8. Vốn góp của nhà đầu tư

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 03/GCN-UBCK ngày 18 tháng 4 năm 2013, vốn điều lệ của Quỹ là 240.437.600.000 VND tương ứng với 24.043.760 chứng chỉ quỹ theo mệnh giá 10.000 Đồng Việt Nam trên một chứng chỉ quỹ. Đây cũng chính là số lượng chứng chỉ quỹ tại thời điểm chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ mở nên vốn góp của Quỹ và số lượng chứng chỉ quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ.

Không có biến động vốn góp trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ).

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**9. Lỗ lũy kế**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 19/1/2017 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND</b>
Lỗ lũy kế đầu kỳ/năm	(67.190.479.052)	(65.622.294.668)
Lỗ sau thuế trong kỳ/năm	(17.760.024)	(1.568.184.384)
Trong đó		
<i>Lỗ đã thực hiện</i>	(18.104.524)	(4.358.269.983)
<i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	344.500	2.790.085.599
	<hr/>	<hr/>
Lỗ lũy kế cuối kỳ/năm	(67.208.239.076)	(67.190.479.052)

**10. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 19/1/2017 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND</b>
Cổ tức được chia trong kỳ/năm		
<i>Cổ tức phát sinh trong kỳ/năm đã nhận</i>	-	133.056.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền lãi được nhận trong kỳ/năm		
<i>Tiền lãi phát sinh trong kỳ/năm đã nhận</i>	1.646.666	224.506.210
<i>Dự thu lãi chưa đến ngày nhận</i>	2.413.889	5.145.834
	<hr/>	<hr/>
	4.060.555	229.652.044
	<hr/>	<hr/>
	4.060.555	362.708.044



**Quý Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quý) (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**11. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện**

**Giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quý)**

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị trường tại ngày 19/1/2017 VND [2]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày		Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong kỳ VND [5] = [3] - [4]
			19/1/2017 VND [3] = [2] - [1]	31/12/2016 VND [4]	
Cổ phiếu niêm yết	27.067.004	26.174.500	(892.504)	(1.237.004)	344.500

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị trường tại ngày 31/12/2016 VND [2]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày		Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận năm 2016 VND [5] = [3] - [4]
			31/12/2016 VND [3] = [2] - [1]	31/12/2015 VND [4]	
Cổ phiếu niêm yết	27.067.004	25.830.000	(1.237.004)	(2.791.322.603)	2.790.085.599

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**12. Chi phí hoạt động khác**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 19/1/2017 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND</b>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 15)	5.984.623	128.000.000
Chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ	-	(43.544.125)
Chi phí báo cáo thường niên	-	45.091.350
Phí ngân hàng	733.700	14.121.358
Phí quản lý thường niên của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước	520.548	10.000.000
Chi phí khác	-	600.000
	7.238.871	154.268.583

**13. Giá trị tài sản ròng**

Kỳ	Tại ngày tính NAV	<b>Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 19/1/2017</b>			
		<b>Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]</b>	<b>Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]</b>	<b>NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3]=[1]/[2]</b>	<b>Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ</b>
	31/12/2016	4.277.866.269	607.941,54	7.036,64	
1	05/01/2017	4.265.926.077	607.941,54	7.017,00	(19,64)
2	12/01/2017	4.250.184.989	607.941,54	6.991,10	(25,90)
3	19/01/2017	4.260.106.245	607.941,54	7.007,42	16,32
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ</li> <li>▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức cao nhất</li> <li>▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức thấp nhất</li> </ul>	4.257.982.580			(25,90) 16,32



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06- QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2016			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3]=[1]/[2]	Tăng/ (giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
	31/12/2015	36.956.626.456	5.150.418,26	7.175,46	
1	03/01/2016	36.943.070.367	5.150.418,26	7.172,82	(2,64)
2	07/01/2016	35.687.467.547	5.150.418,26	6.929,04	(243,78)
3	14/01/2016	34.706.887.580	5.150.418,26	6.738,65	(190,39)
4	21/01/2016	31.741.241.887	5.150.418,26	6.162,84	(575,81)
5	28/01/2016	33.485.196.285	5.150.418,26	6.501,45	338,61
6	31/01/2016	34.087.693.251	5.150.418,26	6.618,43	116,98
7	04/02/2016	33.807.346.911	5.150.418,26	6.564,00	(54,43)
8	14/02/2016	33.920.323.289	5.150.418,26	6.585,93	21,93
9	18/02/2016	34.315.776.081	5.150.418,26	6.662,71	76,78
10	25/02/2016	34.810.356.218	5.150.418,26	6.758,74	96,03
11	29/02/2016	34.750.287.516	5.150.418,26	6.747,08	(11,66)
12	03/03/2016	34.859.318.577	5.150.418,26	6.768,25	21,17
13	10/03/2016	35.341.211.885	5.150.418,26	6.861,81	93,56
14	17/03/2016	35.738.903.670	5.150.418,26	6.939,02	77,21
15	24/03/2016	33.411.173.023	4.885.418,26	6.838,95	(100,07)
16	31/03/2016	32.718.641.428	4.885.418,26	6.697,20	(141,75)
17	07/04/2016	32.900.402.672	4.885.418,26	6.734,40	37,20
18	14/04/2016	33.064.437.893	4.885.408,26	6.767,99	33,59
19	21/04/2016	32.638.708.297	4.885.408,26	6.680,85	(87,14)
20	28/04/2016	33.137.377.840	4.885.408,26	6.782,92	102,07
21	30/04/2016	33.185.427.247	4.885.408,26	6.792,76	9,84
22	05/05/2016	33.394.668.229	4.885.408,26	6.835,59	42,83
23	12/05/2016	33.329.721.050	4.885.408,26	6.822,30	(13,29)
24	19/05/2016	26.604.009.753	3.885.408,26	6.847,15	24,85
25	26/05/2016	26.437.838.910	3.885.408,26	6.804,39	(42,76)
26	31/05/2016	17.896.104.740	2.623.408,26	6.821,70	17,31
27	02/06/2016	17.937.814.974	2.623.408,26	6.837,59	15,89
28	09/06/2016	18.223.190.653	2.623.408,26	6.946,37	108,78
29	16/06/2016	18.048.429.106	2.623.408,26	6.879,76	(66,61)
30	23/06/2016	18.052.525.429	2.623.408,26	6.881,32	1,56
31	30/06/2016	17.909.748.072	2.623.408,26	6.826,90	(54,42)
32	07/07/2016	11.206.643.301	1.623.408,26	6.903,15	76,25
33	14/07/2016	4.285.198.880	623.408,26	6.873,82	(29,33)
34	21/07/2016	4.188.094.559	615.674,90	6.802,44	(71,38)
35	28/07/2016	4.153.098.471	612.941,54	6.775,68	(26,76)
36	31/07/2016	4.139.960.605	612.941,54	6.754,25	(21,43)
37	04/08/2016	4.086.849.909	612.941,54	6.667,60	(86,65)
38	11/08/2016	4.030.977.539	607.941,54	6.630,53	(37,07)
39	18/08/2016	4.015.151.946	607.941,54	6.604,50	(26,03)



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06- QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2016			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3]=[1]/[2]	Tăng/ (giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
40	25/08/2016	3.990.294.319	607.941,54	6.563,61	(40,89)
41	31/08/2016	3.986.588.648	607.941,54	6.557,51	(6,10)
42	01/09/2016	3.984.273.923	607.941,54	6.553,71	(3,80)
43	08/09/2016	3.973.261.222	607.941,54	6.535,59	(18,12)
44	15/09/2016	3.931.904.706	607.941,54	6.467,57	(68,02)
45	22/09/2016	3.932.031.514	607.941,54	6.467,77	0,20
46	29/09/2016	3.917.390.807	607.941,54	6.443,69	(24,08)
47	30/09/2016	3.914.400.967	607.941,54	6.438,77	(4,92)
48	06/10/2016	3.893.827.774	607.941,54	6.404,93	(33,84)
49	13/10/2016	3.871.315.146	607.941,54	6.367,90	(37,03)
50	20/10/2016	3.855.874.087	607.941,54	6.342,50	(25,40)
51	27/10/2016	4.226.392.869	668.970,31	6.317,75	(24,75)
52	31/10/2016	4.255.520.935	668.970,31	6.361,30	43,55
53	03/11/2016	4.276.027.816	668.970,31	6.391,95	30,65
54	10/11/2016	4.446.621.116	668.970,31	6.646,96	255,01
55	17/11/2016	4.533.694.515	668.970,31	6.777,12	130,16
56	24/11/2016	4.217.541.231	615.765,75	6.849,26	72,14
57	30/11/2016	4.148.146.554	607.941,54	6.823,26	(26,00)
58	01/12/2016	4.144.569.323	607.941,54	6.817,38	(5,88)
59	08/12/2016	4.126.386.185	607.941,54	6.787,47	(29,91)
60	15/12/2016	4.107.374.786	607.941,54	6.756,20	(31,27)
61	22/12/2016	4.088.986.635	607.941,54	6.725,95	(30,25)
62	29/12/2016	4.071.649.639	607.941,54	6.697,43	(28,52)
63	31/12/2016	4.277.866.269	607.941,54	7.036,64	339,21
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm</li> <li>▪ Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức cao nhất</li> <li>▪ Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức thấp nhất</li> </ul>		17.239.055.574			(575,81)
					0,20



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06- QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**14. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành**

	19/1/2017 CCQ	31/12/2016 CCQ
Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành được nhà đầu tư nắm giữ		
▪ Trên một năm	607.941,54	607.941,54

**15. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác****(a) Các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ, Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

***Giao dịch với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ***

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 19/1/2017 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND
Phí quản lý Quỹ	3.954.814	95.539.113

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ tối đa là 2% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ (2016: 2% một năm). Tỷ lệ phí quản lý Quỹ được Công ty Quản lý Quỹ xác định trong từng giai đoạn đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong năm dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ báo cáo để đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

***Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ***

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 19/1/2017 VND	Năm kết thúc Ngày 31/12/2016 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 12)	5.984.623	128.000.000

## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)

Mẫu B06- QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

### (b) Các hợp đồng then chốt khác

**Giao dịch với Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Ngân hàng Giám sát**

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 19/1/2017 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	9.193.799	192.837.936
- Phí lưu ký - bảo quản tài sản	9.193.549	180.000.000
- Phí lưu ký - giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán	-	8.400.000
- Phí lưu ký trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	250	4.437.936
Phí dịch vụ giám sát	10.112.902	198.000.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	6.741.936	132.000.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	(19.658.064)	117.218.878
Thu nhập lãi từ tài khoản vãng lai	-	4.768.710
	<hr/>	<hr/>
	6.390.573	644.825.524

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (“SCB”) là Ngân hàng Lưu ký tài sản và Giám sát hoạt động của Quỹ từ ngày 8 tháng 5 năm 2015. SCB đồng thời được ủy quyền từ Công ty Quản lý Quỹ để cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ.

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, giám sát tài sản, phí quản trị quỹ và phí đại lý chuyển nhượng hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ tương ứng. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá trong tháng không nhỏ hơn mức phí tối thiểu và không vượt quá mức phí tối đa, cụ thể như sau:

- Phí giám sát:
  - NAV dưới 1.000 tỷ VND: 0,035% NAV/năm
  - NAV trên 1.000 tỷ VND: 0,02% NAV/năm

Mức phí giám sát tối thiểu là 15.000.000 VND/tháng, chưa bao gồm thuế GTGT.

- Phí lưu ký:
  - NAV dưới 600 tỷ VND: 0,06% NAV/năm
  - NAV từ 600 tỷ VND đến 1.000 tỷ VND: 0,05% NAV/năm
  - NAV trên 1.000 tỷ VND: 0,04% NAV/năm



## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)

Mẫu B06- QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Mức phí lưu ký tối thiểu là 15.000.000 VND/tháng, không có thuế GTGT.

- Phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán là 100.000 VND cho một giao dịch.
- Phí lưu ký trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“TTLKCK”) là phí do SCB thu hàng tháng theo biểu phí của TTLKCK sau đó thanh toán lại cho TTLKCK.
- Phí dịch vụ quản trị Quỹ là 0,02% NAV/năm. Mức phí dịch vụ quản trị Quỹ tối thiểu là 10.000.000 VND/tháng, chưa bao gồm thuế GTGT.
- Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng:
  - Phí đại lý chuyển nhượng cố định hàng tháng là 10.000.000 VND/tháng, chưa bao gồm thuế GTGT.
  - Phí đăng ký mua mới, mua lại, chuyển đổi, chuyển nhượng là 0,01% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi, chuyển nhượng và miễn phí cho 400 giao dịch đầu tiên mỗi tháng.
  - Phí thực hiện quyền là 1.000.000 VND cho 1 lần cung cấp danh sách thực hiện quyền.
  - Tổng phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng không quá 0,03% NAV/năm.
  - Tổng phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối thiểu là 96.000.000 VND/năm (8.000.000/tháng), chưa bao gồm thuế GTGT và luôn áp dụng mức tối thiểu này.

## 16. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ mở

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 19/1/2017	Năm kết thúc ngày 31/12/2016
<b>I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư</b>		
1 Phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong kỳ/năm (%)	0,09%	0,55%
2 Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong kỳ/năm (%)	0,45%	2,27%
3 Phí quản trị Quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong kỳ/năm (%)	(0,30)%	1,45%
4 Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong kỳ/năm (%)	0,11%	0,49%
5 Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong kỳ/năm (%)	0,14%	0,74%
6 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ/năm (%)	0,52%	5,68%
7 Tốc độ vòng quay danh mục trong năm = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/NAV trung bình trong kỳ/năm (%)	0,00%	207,29%

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)****Mẫu B06- QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 19/1/2017</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016</b>
<b>II Các chỉ tiêu khác</b>		
<b>1 Quy mô Quỹ đầu kỳ/năm (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)</b>		
Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ/năm	6.079.415.400	51.504.182.600
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ/năm	607.941,54	5.150.418,26
<b>2 Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ/năm (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)</b>		
Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ/năm	-	61.028,77
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ/năm (theo mệnh giá)	-	610.287.700
Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ/năm	-	(4.603.505,49)
Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ/năm khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	-	(46.035.054.900)
<b>3 Quy mô Quỹ cuối kỳ/năm (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)</b>		
Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ/năm	6.079.415.400	6.079.415.400
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ/năm	607.941,54	607.941,54
<b>4 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ/năm</b>	<b>0,45%</b>	<b>0,45%</b>
<b>5 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ/năm</b>	<b>95,30%</b>	<b>95,30%</b>
<b>6 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ/năm</b>	<b>0,77%</b>	<b>0,77%</b>
<b>7 Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ/năm</b>	<b>59</b>	<b>59</b>
<b>8 NAV/chứng chỉ quỹ cuối kỳ/năm</b>	<b>7.007,42</b>	<b>7.036,64</b>



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06- QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

### **17. Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm cổ phiếu niêm yết. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát giám sát hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

#### **(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Trung tâm lưu ký chứng khoán và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)****Mẫu B06- QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) và ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi ngân hàng. Các chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày báo cáo thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

**Ngày 19 tháng 1 năm 2017**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền không chiết khấu VND</b>	<b>Không quá 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 đến 2 năm VND</b>	<b>Từ 2 đến 5 năm VND</b>
Chi phí phải trả	124.359.875	124.359.875	124.359.875	-	-
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	18.757.736	18.757.736	18.757.736	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	36.745.137	36.745.137	36.745.137	-	-
	<b>179.862.748</b>	<b>179.862.748</b>	<b>179.862.748</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền không chiết khấu VND</b>	<b>Không quá 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 đến 2 năm VND</b>	<b>Từ 2 đến 5 năm VND</b>
Chi phí phải trả	122.794.431	122.794.431	122.794.431	-	-
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	18.757.736	18.757.736	18.757.736	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	108.500.000	108.500.000	108.500.000	-	-
	<b>250.052.167</b>	<b>250.052.167</b>	<b>250.052.167</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06- QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### **(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

#### **(i) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ đều có thời gian đáo hạn ngắn.

#### **(ii) Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là tiền Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

#### **(iii) Rủi ro giá thị trường**

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ), giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quỹ là 26.174.500 Đồng Việt Nam (31/12/2016: 25.830.000 Đồng Việt Nam). Trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ), tỷ lệ biến động giá trung bình của các chứng khoán này vào cuối giai đoạn xấp xỉ 2% (2016: 12%). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 2% tại ngày 19 tháng 1 năm 2017 (31/12/2016: 12%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ không biến động đáng kể.

### **(d) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)****Mẫu B06- QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	19/1/2016		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập</i>				
▪ Các khoản đầu tư	26.174.500	26.174.500	25.830.000	25.830.000
<i>Được phân loại theo các khoản cho vay và phải thu</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	4.411.901.152	4.411.901.152	4.291.583.183	4.291.583.183
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	2.413.889	2.413.889	5.145.834	5.145.834
▪ Phải thu khác	-	-	205.359.419	205.359.419
<hr/>				
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>				
▪ Chi phí phải trả	(124.359.875)	(124.359.875)	(122.794.431)	(122.794.431)
▪ Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	(18.757.736)	(18.757.736)	(18.757.736)	(18.757.736)
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	(36.745.137)	(36.745.137)	(108.500.000)	(108.500.000)
<hr/>				



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06- QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, của ngày có giao dịch gần nhất của các cổ phiếu đó trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

## **18. Số liệu so sánh**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 2(c) và 2(d), Quỹ buộc phải giải thể theo Điều 33 của Thông tư 183. Kỳ kế toán cuối cùng của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ). Số liệu so sánh năm trước là cho giai đoạn mười hai tháng và do đó không thể so sánh với các số liệu của giai đoạn hiện hành.

## **19. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2016 và đại hội bất thường năm 2017 của Quỹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2017 đã thông qua chủ trương giải thể Quỹ và phương án giải thể Quỹ.

Vào ngày 6 tháng 3 năm 2017, Công ty Quản lý Quỹ đã nhận Công văn số 1143/UBCK-QLQ của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước xác nhận việc Công ty Quản lý Quỹ thông báo về việc giải thể Quỹ.

Quỹ đã hoàn tất việc thanh lý tài sản vào ngày 16 tháng 3 năm 2017 và bắt đầu tiến hành hoàn trả tiền cho nhà đầu tư từ ngày 17 tháng 3 năm 2017.

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) (tiếp theo)**

**Mẫu B06- QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

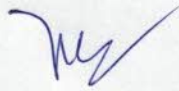
**20. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 19 tháng 1 năm 2017 (ngày giải thể Quỹ) được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 11 tháng 4 năm 2017.

Ngày 11 tháng 4 năm 2017

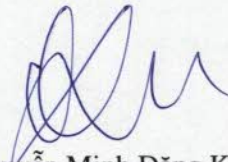
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:



Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thành Tân  
Tổng Giám đốc



